

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thúc Giang

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Hoàng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, “Có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu và kết hôn ngày 28 tháng 01 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh C ở tại thôn T, xã N, thị xã Phúc Yên, tỉnh

Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến ngày 27 tháng 4 năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh C không có lập trường, luôn nghe theo anh em họ hàng nhà anh C nên về to tiếng, đánh đập chị, chị có nói nhưng không nghe mà vẫn vô cớ chửi bới chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2001 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2003, hiện nay cháu Tình đang ở với anh C, cháu Hai đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hai, để anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tình, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2017, chị trình bày vợ chồng có khoản nợ chung là 30.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách Xã hội thị xã Phúc Yên, ly hôn chị đề nghị chia đôi khoản nợ chung. Tuy nhiên, ngày 13 tháng 3 năm 2017 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ và tài sản của chị và anh C, để chị và anh C tự thỏa thuận giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại lời khai ngày 03 tháng 4 năm 2017 và tại các phiên hòa giải ngày 16 tháng 5 năm 2017, ngày 01 tháng 6 năm 2017, anh C trình bày: Anh thừa nhận toàn bộ lời khai của chị V về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Tuy nhiên, theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên không hiểu nhau. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh không nhất trí, anh xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh thừa nhận anh và chị V có 02 con chung như chị V trình bày. Nếu ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân T; chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy

định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho chị V được ly hôn anh C; giao cháu Hai cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Tình cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về tài sản; buộc chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn là anh Nguyễn Văn C, cư trú tại thôn T, xã N, thị xã P nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị V và anh C đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 7 năm 2012 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị V vẫn khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn. Anh C có nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng nhưng anh C không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng vẫn sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử thấy, giữa chị V và anh C không còn tôn trọng, quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V để giúp các đương sự có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Chị V và anh C đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2001 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2003, hiện nay cháu Tình đang ở với anh C, cháu Hai đang ở với chị V. Ly hôn chị V và anh C đều đồng ý để chị V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hai; anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tình, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời cháu Hai cũng có nguyện vọng được ở với chị V, cháu Tình có nguyện vọng được ở với anh C. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Hai cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Tình cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị V, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở gây khó khăn.

[5] Về tài sản: Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2017, chị V đề nghị giải quyết về công nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 13 tháng 3 năm 2017 chị V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ, về tài sản của chị V và anh C. Vì vậy, đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị V. Sau khi ly hôn nếu các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chị Trần Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2003 cho đến khi cháu Hai đủ 18 tuổi; giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2001 cho đến khi cháu Tình đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị V và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị V đã nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2014/0003488 ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phúc Yên. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị V số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà